| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHƠN THÀNH**<br>**TỈNH BÌNH PHƯỚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**<br>*Chơn Thành, ngày 03 tháng 9 năm* 2020 |

Số: 208/2020/QĐST-HNGĐ

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Quốc Khánh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Xuân Đính

Ông Nguyễn Việt Thành

Căn cứ vào Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 20/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

## XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

* Nguyên đơn: Bà Hồ Thị G, sinh năm: 1976; Địa chỉ cư trú: tổ 9, ấp 3, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

* Bị đơn, có yêu cầu phản tố: Ông Lê Thanh H, sinh năm: 1962; Địa chỉ cư trú: tổ 9, ấp 3, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

**2. Sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Ông , bà Hồ Thị G thống nhất xác định tài sản tranh chấp trê n thửa đất số 142, tờ bản đồ số 24, diện tích 11541,1m$^2$. Địa chỉ thửa đất ấp 3, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Đất đã được cấp Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất có s ố CI 376841 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS -00593 ngày 04/8/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho ông Lê Thanh H bao gồm: 543 cây cao su trồng năm

2007, tổng giá trị cây cao su là 543 x 420.000 đồng = 228.060.000 đồng; 02 cây dầu x 350.000 đồng cây = 700.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 228.760.000 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng). Các tài sản còn lại trên đất thỏa thuận không tranh chấp.

Thỏa thuận giao toàn bộ tài sản tranh chấp và những tài sản khác (nếu có) trên đất nhưng không tranh chấp cho ông H được quyền sở hữu. Ông H có trách nhiệm hoàn trả cho bà G½ giá trị tương ứng với 228.060.000 đồng : 2 = 114.380.000 đồng (một trăm mười bố triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng.).

2.2. Ông Hải, bà Hồ Thị G thống nhất xác định tài sản tranh chấp trên thửa đất số 111, tờ bản đồ số 24, diện tích 8218,9m$^2$. Địa chỉ thửa đất ấp 3, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất có số ký hiệu CI 376840 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS-00554 ngày 04/8/207 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho ông Lê Thanh H bao gồm: 452 cây cao su trồng năm 2002, tổng giá trị tài sản tranh chấp là 452 cây x 320.000 đồng =144.640.000 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Thỏa thuận giao toàn bộ tài sanh tranh chấp và những tài sản khác (nếu có) trên đất nhưng không tranh chấp cho ông H được quyền sở hữu. Ông H có trách nhiệm hoàn trả cho bà G½ giá trị tài sản tương ứng với 144.640.000 đồng : 2 = 72.320.000 đồng (bảy mươi hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

2.3. Ông H, bà Hồ Thị G thống nhất xác định tài sản tranh chấp trên thửa đất số 56, tờ bản đồ số 28, diện tích 367,7m$^2$ trong đó có 50m$^2$ đất ở nông thôn. Địa chỉ thửa đất ấp 3, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Đất đã được cấp Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất có sổ ký hiệu CI 376839 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS-00556 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp cho bà Hồ Thị G bao gồm: 01 công trình xây dựng là nhà ở diện tích 56,92m$^2$ có giá trị là 125.196.875 đồng (một trăm hai mươi năm triệu một trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi năm đồng); 01 trình xây dựng là nhà ở có diện tích 20,79m$^2$, giá trị sử dụng là 31.185.000 đồng (ba mươi mốt triệu một trăm tám mươi năm nghìn đồng). Tổ giá trị tài sản trên đất tranh chấp là 135.196.875 đồng + 31.185.000 đồng = 166.381.875 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn tám trăm bảy mươi năm đồng).

Thỏa thuận giao toàn bộ tài sản tranh chấp và những tài sản khác (nếu có) trên đất nhưng kh ông tranh chấp cho bà Hồ Thị G được quyền sở hữu. Bà G có trách nhiệm hoàn trả cho ông H ½ giá trị tài sản tương ứng 166.381.875 đồng : 2 = 83.190.937 đồng (tám mươi ba triệu một trăm chín mươi nghìn chín trăm ba mươ i bảy đồng).

2.4. Khấu trừ giái trị tài sản các bên được nhận, hoàn trả giá trị chênh lệch cho nhau ông H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Glà: (114.380.000 đồng + 72.320.000 đồng) - 83.190.937 đồng = 103.509.063 đồng (một trăm lẻ ba triệu năm trăm lẻ chín nghìn không trăm sáu mươi ba đồng). Thời gian hoàn trả là ngày 01/3/2021.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thi hành hoặc không thi hành đầy đủ thì ngoài số tiền phải thi hành còn phải trả thêm số tiền lãi trên số tiền phải trả tương ứng với thời gian chậm thì hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định.

2.5. Về cấp dưỡng nuôi con : Các đương sự thống nhất tự th ỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không tiếp tục giải quyết tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp các đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2.6. Về lệ phí Tòa án:

Bà Hồ Thị G phải chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) chi phí định giá tài sản . Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng bà G đã nộp ngày 22/4/2020, bà G không tiếp tục phải nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Ông Hải phải chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) chi phí định giá tài sản . Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng ông H đã nộp ngày 23/4/2020, ông H không tiếp tục phải nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

2.7. Về án phí:

Bà Hồ Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.747.273 (sáu triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng). Được khấu trừ vào 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi ngh ìn đồng ) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004017 quyển số 00081 ngày 15/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, số tiền án phí còn lại bà G tiếp tục phải nộp là 2.997.273 đồng (hai triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng).

Ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.085.968 đồng (sáu triệu không trăm tám mươi năm nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng). Được khấu trừ vào 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng ) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004078 quyển số 00082 ngày 24/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, số tiền án phí còn lại ông H tiếp tục phải nộp là 2.335.968 đồng (hai triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành , không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 Luật thi hành án dân sự, thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Quốc Khánh**

**Nơi nhận**:

*-VKSND huyện Chơn Thành;*
*- TAND tỉnh Bình Phước;*
*- CCTHADS huyện CHơn Thành;*
*- Các đương sự;*
*-Lưu HS*